by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0315205307, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS, S=Hồ Chí Minh, C=VN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 37.08/2026/CV-SGI	*Tp.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2026 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán : SGI
- Địa chỉ : 47 Đường số 17, Khu phố 6, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3727 1140 Fax: (028) 3727 1143
- Email : info@saigon3group.com.vn Website: https://saigon3group.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026 đã soát xét

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chệnh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2026 tại đường dẫn: https://saigon3group.com.vn/Quan hệ cổ đông/Bao cáo tài chính/.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám Đốc

M.S.D.N: 0315205307 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Việt

Tài liệu đính kèm:
- *BCTC 6 tháng đầu năm 2026 đã soát xét.*
- *Văn bản giải trình.*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Thông tin chung	2
3.	Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
4.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5.	Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9
7.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
8.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 33

****

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315205307 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn về quản lý kỹ thuật may (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Sản xuất hàng may mặc;
- Bán buôn hàng may mặc, quần áo thời trang;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, công nghệ và phụ tùng phục vụ cho sản xuất các mặt hàng ngành dệt may. Bán buôn thiết bị ngành may;
- Bán buôn nguyên phụ liệu ngành dệt may, các mặt hàng dệt may, nguyên phụ liệu may.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 47 Đường số 17, Khu phố 6, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3727 1140
- Fax : +84 (028) 3727 1143

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Ông Phạm Xuân Hồng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026
Bà Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2024
Bà Phạm Viết Lan Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Bà Đoàn Thị Thu Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Lê Ngọc Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2024).

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

M.S.D.N: 0315[illegible]307 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Số: 1.1378/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Nguyễn Chí Dũng
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**1.123.685.474**	**1.620.613.492**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**309.368.816**	**1.434.747.146**
1.	Tiền	111		309.368.816	631.766.324
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	802.980.822
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**-**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4.	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5.	Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6.	Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**10.000.000**	**48.600.000**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	48.600.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.2	10.000.000	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.3	-	-
7.	Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**-**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V.	**Tài sản sinh học ngắn hạn**	**150**		**-**	**-**
1.	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2.	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3.	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**804.316.658**	**137.266.346**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		309.654.446	412.500
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		477.462.212	136.853.846
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.8	17.200.000	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.223.196.097.783**	**1.216.458.724.175**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**5.784.229.301**	**-**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	5.784.229.301	-
-	*Nguyên giá*	*222*		*5.826.799.310*	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(42.570.009)*	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	*Nguyên giá*	*225*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
-	*Nguyên giá*	*228*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III.	**Tài sản sinh học dài hạn**	**230**		**-**	**-**
1.	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a)	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b)	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
-	*Nguyên giá*	*234*		-	-
-	*Giá trị khấu hao lũy kế*	*235*		-	-
2.	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3.	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4.	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
-	Nguyên giá	241		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**-**	**-**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**		**1.217.213.287.275**	**1.216.456.373.485**
1.	Đầu tư vào công ty con	261	V.5	1.215.766.887.308	1.207.268.687.308
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.5	71.500.989.000	71.500.989.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.5	(70.054.589.033)	(62.313.302.823)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6.	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**198.581.207**	**2.350.690**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		198.581.207	2.350.690
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.6	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	274		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**1.224.319.783.257**	**1.218.079.337.667**

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**360.977.748.592**	**271.984.043.834**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**360.977.748.592**	**271.984.043.834**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	962.362.260	9.600.000
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.8	75.474.563.800	7.810.400
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.9	-	15.400.000
5.	Phải trả người lao động	315	V.10	80.236.782	-
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316		260.300.000	120.000.000
7.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320	V.11	21.600.285.750	11.331.233.434
11.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.12	262.600.000.000	260.500.000.000
12.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14.	Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4.	Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6.	Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7.	Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8.	Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10.	Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11.	Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**863.342.034.665**	**946.095.293.833**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.13	754.647.000.000	754.647.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*754.647.000.000*	*754.647.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.13	108.695.034.665	191.448.293.833
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*78.251.243.833*	*191.448.293.833*
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*30.443.790.832*	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.224.319.783.257**	**1.218.079.337.667**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

M.S.D.N: 0315205307 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Tân
Kế toán trưởng/Người lập biểu

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	 Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01		-	-
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		-	-
4.	**Giá vốn hàng bán**	11		-	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		-	-
6.	**Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư**	21		-	-
7.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	22	VI.1	**51.610.608.173**	**77.449.920.345**
8.	**Chi phí tài chính**	23	VI.2	**18.747.179.360**	**562.151.841**
	Trong đó: chi phí đi vay	24		11.005.893.150	3.491.592.328
9.	**Chi phí bán hàng**	25		-	-
10.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.3	**2.417.034.760**	**452.039.683**
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		**30.446.394.053**	**76.435.728.821**
12.	**Thu nhập khác**	31		**1.600**	-
13.	**Chi phí khác**	32		**2.604.821**	-
14.	**Lợi nhuận khác**	40		**(2.603.221)**	-
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		**30.443.790.832**	**76.435.728.821**
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.8	-	-
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		**30.443.790.832**	**76.435.728.821**
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.4		
20.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71	VI.4		

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Hoàng Tân	***Nguyễn Quốc Việt***
Kế toán trưởng/Người lập biểu	**Tổng Giám đốc**
	Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	 Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***30.443.790.832***	***76.435.728.821***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.4	42.570.009	-
-	Các khoản dự phòng	03	V.5	7.741.286.210	(2.929.440.487)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.1	(51.610.608.173)	(77.449.920.345)
-	Chi phí đi vay	06	VI.2	11.005.893.150	3.491.592.328
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***(2.377.067.972)***	***(452.039.683)***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(319.208.366)	(69.169.400)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.734.801	(200.002)
-	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(505.472.463)	19.020
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Chi phí đi vay đã trả	14	V.11, VI.2	-	(3.568.328.766)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	-	(1.460.294.031)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(251.880.834)	(1.139.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(3.447.894.834)***	***(6.689.012.862)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 7	(5.159.595.069)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(196.000.000.000)	(159.385.944.968)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		187.501.800.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.610.608.173	77.449.920.345
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***37.952.813.104***	***(81.936.024.623)***

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	 Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.12	5.600.000.000	396.400.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(3.500.000.000)	(232.520.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.730.296.600)	(75.420.668.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(35.630.296.600)***	***88.459.332.000***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(1.125.378.330)**	**(165.705.485)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**1.434.747.146**	**1.099.478.520**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**309.368.816**	**933.773.035**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

M.S.D.N: 0315205307 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Tân	**Nguyễn Quốc Việt**
Kế toán trưởng/Người lập biểu	**Tổng Giám đốc**
	Người đại diện theo pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Hỗ trợ dịch vụ tài chính	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	71/1 Quang Trung, phường An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hàng may mặc da	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	47 Đường số 17, Khu phố 6, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc; dịch vụ cho thuê văn phòng và đầu tư	99,76%	99,76%	99,76%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc – xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng	63,37%	63,37%	63,37%
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	100%	100%	100%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết có trụ sở chính tại 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các loại băng, gạc y tế, bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng; sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 24,71%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 là kỳ kế toán năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được (xem Thuyết minh số VII.2). Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

7. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "SGI" theo Quyết định số 462/QĐ-SGDHN ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 14 tháng 9 năm 2021.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trong quá trình nắm giữ, Công ty không tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán niêm yết hoặc giá trị hợp lý chứng khoán được xác định tin cậy: giá trị thị trường của chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ kế toán, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh sẽ được xử lý như thay đổi chính sách kế toán.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con, công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại cùng thời điểm. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty là các chi phí chờ phân bổ khác, các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

9. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

11. Ghi nhận thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con, công ty liên kết và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.026.191	13.503.171
Tiền gửi không kỳ hạn	302.342.625	618.263.153
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh*	*69.043.882*	*559.957.363*
- *Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh*	*207.571.256*	*19.089.649*
- *Các ngân hàng, tổ chức khác*	*25.727.487*	*39.216.141*
Các khoản tương đương tiền	-	802.980.822
- *Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh*	-	*800.000.000*
- *Lãi dự thu*	-	*2.980.822*
Cộng	**309.368.816**	**1.434.747.146**

2. Phải thu ngắn hạn khác

Phải thu của người lao động – tiền tạm ứng để phục vụ hoạt động kinh doanh.

3. Nợ quá hạn, nợ xấu

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

4. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Mua trong kỳ	4.703.050.000	1.123.749.310	5.826.799.310
Số cuối kỳ	**4.703.050.000**	**1.123.749.310**	**5.826.799.310**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	10.886.690	31.683.319	42.570.009
Số cuối kỳ	**10.886.690**	**31.683.319**	**42.570.009**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	**4.692.163.310**	**1.092.065.991**	**5.784.229.301**
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô Toyota Alphard HEV	4.703.050.000	10.886.690	4.692.163.310
Tài sản cố định hữu hình khác	1.123.749.310	31.683.319	1.092.065.991
Cộng	**5.826.799.310**	**42.570.009**	**5.784.229.301**

5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***1.215.766.887.308***	***1.145.712.298.275***	***(70.054.589.033)***	***1.207.268.687.308***	***1.144.955.384.485***	***(62.313.302.823)***
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital [(i)]	459.379.352.869	459.379.352.869	-	646.881.152.869	646.881.152.869	-
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	233.983.904.465	233.983.904.465	-	233.983.904.465	233.983.904.465	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	62.313.302.823	-	(62.313.302.823)	62.313.302.823	-	(62.313.302.823)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	264.090.327.151	264.090.327.151	-	264.090.327.151	264.090.327.151	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công [(ii)]	196.000.000.000	188.258.713.790	(7.741.286.210)		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	***71.500.989.000***	***71.500.989.000***	***-***	***71.500.989.000***	***71.500.989.000***	***-***
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	71.500.989.000	71.500.989.000	-	71.500.989.000	71.500.989.000	-
Cộng	**1.287.267.876.308**	**1.217.213.287.275**	**(70.054.589.033)**	**1.278.769.676.308**	**1.216.456.373.485**	**(62.313.302.823)**

(i) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 7a04/2026/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings đã thông qua việc giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital từ 690.000.000.000 VND xuống 490.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital

(ii) Trong kỳ Công ty đã nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital) theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 7b04/2026/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2026 với giá chuyển nhượng là 196.000.000.000 VND.

Giá trị có thể thu hồi
Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết
Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	62.313.302.823	57.092.737.892
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng bổ sung	7.741.286.210	(2.929.440.487)
Số cuối kỳ	**70.054.589.033**	**54.163.297.405**

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết
Giao dịch giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

6. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau do đánh giá ít có khả năng có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích này:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi phí trích trước	260.000.000	120.000.000
Lỗ tính thuế [(i)]	26.411.982.343	18.790.636.612
Cộng	**26.671.982.343**	**18.910.636.612**

[(i)] Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã sử dụng lũy kế	Số lỗ còn được chuyển	Thời hạn chuyển lỗ	Tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận
2025	18.790.636.612	-	18.790.636.612	31/12/2030	3.758.127.322
6 tháng đầu năm 2026	7.621.345.731	-	7.621.345.731	31/12/2031	1.524.269.146
Cộng	**26.411.982.343**	**-**	**26.411.982.343**		**5.282.396.469**

Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (là bên liên quan)	754.739.564	-
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	202.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.422.696	9.600.000
Cộng	**962.362.260**	**9.600.000**

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định là 667.204.241 VND (số đầu năm là 0 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

8. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả từ năm 2023 trở về trước	7.810.400	7.810.400
Cổ tức phải trả năm 2024	2.053.400	-
Cổ tức phải trả năm 2025	75.464.700.000	-
Cộng	**75.474.563.800**	**7.810.400**

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.400.000	-	1.565.357.845	(1.597.957.845)	-	17.200.000
Cộng	**15.400.000**	**-**	**1.565.357.845**	**(1.597.957.845)**	**-**	**17.200.000**

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.443.790.832	76.435.728.821
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.160.986.437	144.788.518
• Các khoản điều chỉnh giảm	(120.000.000)	(108.500.000)
Thu nhập chịu thuế	31.484.777.269	76.472.017.339
Thu nhập được miễn thuế	(39.106.123.000)	(76.500.000.000)
Thu nhập tính thuế	(7.621.345.731)	(27.982.661)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**	**-**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***21.585.245.750***	***10.831.233.434***
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (là bên liên quan) - chi phí lãi vay	21.437.372.601	10.431.479.451
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát - thù lao và thưởng phải trả	147.873.149	399.753.983
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***15.040.000***	***500.000.000***
Quỹ Saigon Group	-	500.000.000
Các khoản bảo hiểm phải trả	15.040.000	-
Cộng	**21.600.285.750**	**11.331.233.434**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

12. Vay ngắn hạn

Công ty vay Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (là công ty con) không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng vay số 001/2025/HĐTV/SG3GROUP ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23 tháng 6 năm 2026, Hợp đồng vay số 002/ 2025/HĐTV/SG3GROUP ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25 tháng 6 năm 2026, Hợp đồng vay số 003/2025/HĐVT/SG3GROUP ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Hợp đồng vay tiền theo hạn mức số 004/2025/HĐVT/SGI ngày 08 tháng 10 năm 2025 để phục vụ mục đích đầu tư tài chính với lãi suất 8,50%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	260.500.000.000	10.620.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	5.600.000.000	396.400.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.500.000.000)	(232.520.000.000)
Số cuối kỳ	**262.600.000.000**	**174.500.000.000**

Công ty không có các khoản vay ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán.

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	754.647.000.000	133.630.053.498	888.277.053.498
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	76.435.728.821	76.435.728.821
Số dư cuối kỳ trước	**754.647.000.000**	**210.065.782.319**	**964.712.782.319**
Số dư đầu năm nay	754.647.000.000	191.448.293.833	946.095.293.833
Lợi nhuận trong kỳ này	-	30.443.790.832	30.443.790.832
Chia cổ tức trong kỳ này	-	(113.197.050.000)	(113.197.050.000)
Số dư cuối kỳ này	**754.647.000.000**	**108.695.034.665**	**863.342.034.665**

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Quốc Việt	152.695.290.000	152.695.290.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	139.444.290.000	139.444.290.000
Ông Phạm Xuân Hồng	39.777.270.000	39.777.270.000
Các cổ đông khác	422.730.150.000	422.730.150.000
Cộng	**754.647.000.000**	**754.647.000.000**

13c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.464.700	75.464.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.464.700	75.464.700
- *Cổ phiếu phổ thông*	*75.464.700*	*75.464.700*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.464.700	75.464.700
- *Cổ phiếu phổ thông*	*75.464.700*	*75.464.700*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0101/2026/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2026 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 5% mệnh giá cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 500 VND).

Ngoài ra, Công ty đã ghi nhận cổ tức năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15b07/2026/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 7 năm 2026 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 10% mệnh giá cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.000 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.285.173	949.920.345
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.106.123.000	76.500.000.000
Lãi do giảm một phần vốn công ty con	12.498.200.000	-
Cộng	**51.610.608.173**	**77.449.920.345**

2. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Chi phí đi vay	11.005.893.150	3.491.592.328
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	7.741.286.210	(2.929.440.487)
Cộng	**18.747.179.360**	**562.151.841**

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Chi phí cho nhân viên	100.003.091	102.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	93.047.010	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.570.009	-
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.214.853.933	110.169.018
Các chi phí khác	966.560.717	236.870.665
Cộng	**2.417.034.760**	**452.039.683**

4. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.047.010	-
Chi phí nhân công	100.003.091	102.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.570.009	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.214.853.933	110.169.018
Chi phí khác	966.560.717	239.870.665
Cộng	**2.417.034.760**	**452.039.683**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh các giao dịch chia cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban quản lý, điều hành và các cá nhân có liên quan cho các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Xuân Hồng	1.988.863.500	-
Bà Nguyễn Ngọc Điệp	1.378.904.000	-
Ông Nguyễn Quốc Việt	7.634.764.500	-
Thành viên Ban kiểm soát		
Bà Phạm Viết Lan Anh	75.681.500	-
Các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt		
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Nhân	264.155.000	-
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Vân	296.380.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại Thuyết minh số V.11.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Năm nay	**Năm trước**
Hội đồng quản trị	***250.925.325***	***901.000.000***
Ông Nguyễn Khánh Linh	87.909.091	170.000.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	76.409.091	170.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường *(bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	47.857.143	-
Ông Phạm Xuân Hồng *(đã miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	13.750.000	192.666.667
Bà Nguyễn Ngọc Điệp *(đã miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	12.500.000	198.333.333
Ông Nguyễn Đăng Khoa *(đã miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2026)*	12.500.000	170.000.000
Ban kiểm soát	***66.000.000***	***187.000.000***
Ông Nguyễn Hoàng Giang	18.266.667	51.000.000
Bà Đoàn Thị Thu Sương	400.000	
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	400.000	
Bà Phạm Viết Lan Anh *(đã miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026)*	29.333.333	85.000.000
Ông Lê Ngọc Hùng *(đã miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026)*	17.600.000	51.000.000
Cộng	**316.925.325**	**1.088.000.000**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	**Mối quan hệ**
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty con
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	Công ty con
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Công ty con của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Công ty TNHH Vitavia Care	Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Quỹ Đầu tư Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	Cổ đông sở hữu 18,48% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI)	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Luật Hợp danh Anh Quân	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là thành viên Ban điều hành của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	Thành viên Ban kiểm soát Công ty là thành viên Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Kim Cương	Thành viên Ban kiểm soát Công ty là Tổng Giám đốc công ty này

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Lợi nhuận được chia	-	76.500.000.000
Nhận lợi nhuận	-	76.500.000.000
Chi phí lãi vay	-	3.306.222.465
Trả chi phí lãi vay	-	3.568.328.766
Vay	-	221.900.000.000
Trả tiền vay	-	232.520.000.000
Nhận lại khoản tiền đầu tư do SG3C giảm vốn	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Vay	5.600.000.000	174.500.000.000
Trả tiền vay	3.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	11.005.893.150	185.369.863
Cổ tức được chia	39.106.123.000	-
Nhận cổ tức	39.106.123.000	-

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn		
Góp vốn	-	19.997.400.000
Chi tiền góp vốn	-	19.997.400.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công		
Phí mua cổ phiếu	-	43.539.000
Thanh toán phí mua cổ phiếu	-	43.539.000
Phí lưu ký cổ phiếu	4.634.536	-
Thanh toán phí lưu ký cổ phiếu	4.634.536	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	375	225
Nhận lãi tiền gửi không kỳ hạn	375	225
Chi phí mua sắm thiết bị văn phòng	79.577.566	-
Mua sắm tài sản cố định	606.549.310	-
Nhận chuyển nhượng vốn góp	196.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc		
Chia cổ tức	6.972.214.500	-
Chi trả cổ tức	6.972.214.500	-

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh số V.7, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Số liệu so sánh

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 là kỳ kế toán năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200.

Việc áp dụng chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh. Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Thông tư 99. Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.431.766.324	2.980.822	1.434.747.146	(i)
Các khoản tương đương tiền	112	800.000.000	2.980.822	802.980.822	(i)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	51.580.822	(2.980.822)	48.600.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	2.980.822	(2.980.822)	-	(i)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	7.810.400	7.810.400	(ii)
Phải trả ngắn hạn khác	320	11.339.043.834	(7.810.400)	11.331.233.434	(ii)

(i) Điều chỉnh khoản lãi dự thu các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

(ii) Điều chỉnh cổ tức còn phải trả cho cổ đông.

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99 đòi hỏi Tổng Giám đốc thực hiện các xét đoán, ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu, chi phí được trình bày và việc thuyết minh các khoản nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này được đánh giá dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố khác được cho là hợp lý trong từng hoàn cảnh, được xem xét lại thường xuyên và là cơ sở để đưa ra các xét đoán về giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này.

Bên cạnh các xét đoán trong việc áp dụng chính sách kế toán có ảnh hưởng đáng kể đến số liệu trên Báo cáo tài chính – như đánh giá quyền kiểm soát và ảnh hưởng đáng kể để phân loại các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và giả định hoạt động liên tục – các giả định và ước tính quan trọng dưới đây được Tổng Giám đốc đánh giá là có rủi ro dẫn đến điều chỉnh trọng yếu đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Ước tính dự phòng tổn thất đầu tư

Đây là ước tính có mức độ trọng yếu cao nhất do các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chiếm phần lớn tài sản của Công ty. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi và mức dự phòng tổn thất cho từng khoản đầu tư trên cơ sở giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ước tính này chứa đựng sự không chắc chắn do phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, khả năng phục hồi hoạt động và giá trị tài sản thuần trong tương lai của các đơn vị nhận đầu tư, đặc biệt là các đơn vị đang có kết quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là 1.287.267.876.308 VND và dự phòng tổn thất đã trích lập là 70.054.589.033 VND (số đầu năm là 62.313.302.823 VND), tăng 7.741.286.210 VND, chủ yếu do trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công. Dự phòng nhạy cảm nhất với giá trị tài sản thuần của các đơn vị có kết quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng, gồm Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công và Công ty Cổ phần May da Sài Gòn. Nếu giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công giảm 10% (tương đương khoảng 18,8 tỷ VND), số dự phòng phải trích lập bổ sung ước tính tăng tương ứng khoảng 18,8 tỷ VND (trong giới hạn giá gốc khoản đầu tư), làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận trước thuế. Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May da Sài Gòn đã được trích lập dự phòng toàn bộ giá trị ghi sổ là 62.313.302.823 VND nên việc suy giảm thêm giá trị tài sản thuần không làm phát sinh thêm dự phòng.

Tổng Giám đốc đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập đối với các khoản đầu tư còn lại là thấp, dựa trên tình hình tài chính và kết quả kinh doanh ổn định của các đơn vị này; riêng đối với Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công và Công ty Cổ phần May da Sài Gòn, khả năng phát sinh thêm tổn thất là có thể xảy ra. Để hạn chế ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Theo dõi và cập nhật định kỳ Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh của từng đơn vị nhận đầu tư để đánh giá lại giá trị có thể thu hồi tại mỗi kỳ báo cáo;
- Phối hợp với người đại diện phần vốn góp và Ban điều hành các đơn vị nhận đầu tư xây dựng, giám sát phương án tái cấu trúc và phục hồi hoạt động, đặc biệt tại Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công và Công ty Cổ phần May da Sài Gòn;
- Thực hiện đánh giá độc lập hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia định giá khi có dấu hiệu bất thường về giá trị khoản đầu tư;
- Điều chỉnh kịp thời số dư dự phòng khi có thông tin mới làm thay đổi trọng yếu các giả định đã sử dụng.

Đánh giá khả năng thu hồi và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế được chuyển và các chênh lệch tạm thời được khấu trừ đòi hỏi xét đoán của Tổng Giám đốc về khả năng chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản này. Do thu nhập của Công ty chủ yếu là cổ tức, lợi nhuận được chia thuộc diện miễn thuế và Công ty đang phát sinh lỗ tính thuế, Tổng Giám đốc đánh giá chưa chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai, nên chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế chưa sử dụng chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 26.671.982.343 VND (số đầu năm là 18.910.636.612 VND), trong đó lỗ tính thuế được chuyển là 26.411.982.343 VND (hết thời hạn chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2030 và ngày 31 tháng 12 năm 2031). Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng chưa ghi nhận ước tính khoảng 5.334.396.469 VND (theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%). Nếu trong tương lai Công ty đánh giá có đủ thu nhập chịu thuế, một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế nêu trên có thể được ghi nhận, làm tăng tài sản và giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ ghi nhận; ngược lại, các khoản lỗ tính thuế có thể hết thời hạn chuyển lỗ mà chưa được sử dụng.

Tổng Giám đốc rà soát khả năng thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại mỗi ngày kết thúc kỳ kế toán trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và dự báo thu nhập chịu thuế, đồng thời theo dõi thời hạn chuyển lỗ để bảo đảm sử dụng kịp thời khi phát sinh đủ thu nhập chịu thuế.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định trên cơ sở đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự thay đổi về công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng có thể dẫn đến thời gian sử dụng thực tế khác với ước tính ban đầu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 5.826.799.310 VND, giá trị còn lại 5.784.229.301 VND. Nếu thời gian sử dụng hữu ích thực tế ngắn hơn ước tính 1 năm, chi phí khấu hao hàng năm sẽ tăng thêm khoảng 10.098.186 VND. Ngược lại, nếu dài hơn ước tính 1 năm, chi phí khấu hao sẽ giảm khoảng 6.835.786 VND. Mức độ ảnh hưởng này được đánh giá là không trọng yếu đối với Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc rà soát thời gian sử dụng hữu ích và phương pháp khấu hao ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính, thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo quy trình kỹ thuật và đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi kỳ báo cáo.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Việc xác định chi phí và nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đòi hỏi các xét đoán về việc áp dụng quy định thuế đối với một số giao dịch, đặc biệt là thu nhập cổ tức, lợi nhuận được chia thuộc diện miễn thuế và các khoản điều chỉnh khi xác định thu nhập tính thuế. Các quy định về thuế thay đổi theo từng thời kỳ và có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, do đó số thuế đã ghi nhận có thể thay đổi khi cơ quan thuế thanh tra, quyết toán, ảnh hưởng đến chi phí thuế và nghĩa vụ thuế của các kỳ liên quan. Để hạn chế ảnh hưởng, Tổng Giám đốc chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, chứng từ phục vụ quyết toán thuế, tham vấn chuyên gia thuế đối với các giao dịch phức tạp và cập nhật kịp thời các thay đổi của chính sách thuế để điều chỉnh phù hợp.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 15a07/2026/NQ-HĐQT về chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (mã chứng khoán: BBT) từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công với số lượng cổ phiếu dự kiến nhận chuyển nhượng là 1.867.600 cổ phiếu. Ngày 10 tháng 7 năm 2026, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của BBT mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công nắm giữ.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 1907/2026/NQ-HĐQT về chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (mã chứng khoán: BBT) từ Công ty TNHH Sài Gòn 3 Capital với số lượng cổ phiếu nhận chuyển nhượng là 7.978.558 cổ phiếu. Ngày 28 tháng 7 năm 2026, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của BBT mà Công ty TNHH Sài Gòn 3 Capital nắm giữ.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 2208/2026/NQ-HĐQT về chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (mã chứng khoán: BBT) của Công ty từ 74,94% lên thành 81,08% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, số lượng cổ phiếu nhận chuyển nhượng là 1.203.800 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện đã trình bày nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Hoàng Tân	**Nguyễn Quốc Việt**
Kế toán trưởng/Người lập biểu	**Tổng Giám đốc**
	Người đại diện theo pháp luật